ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 58/2024/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 24 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 144/TTr-STTTT ngày 11 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 01 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- VP.TU, các Ban đảng;
- UBMTTQ, các đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Quyết định 58/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc quản lý, vận hành; danh mục dịch vụ, ứng dụng, kết nối, chất lượng và bảo đảm an toàn thông tin, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh An Giang quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Cơ quan được giao quản lý Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh An Giang là Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh An Giang.

4. Cá nhân tham gia quản lý, vận hành, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng (gọi tắt là TSLCD) theo quy định khoản 1 Điều 3 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg.

2. Mạng truy nhập (mạng truy nhập cấp I, II) theo quy định khoản 3 Điều 3 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg.

3. Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) của tỉnh hiện nay do Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông - Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành; Là nơi tích hợp hệ thống chuyên dụng, bao gồm cả phần cứng (các hệ thống bảo mật, máy chủ, các hệ thống sao lưu khôi phục dữ liệu, hệ thống lưu nguồn điện dự phòng) và các chương trình phần mềm, Trung tâm THDL tỉnh đóng vai trò là

nền tảng giúp hình thành cơ sở dữ liệu (CSDL) tập trung thống nhất phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

Điều 4. Danh mục dịch vụ, ứng dụng

1. Dịch vụ của Mạng TSLCD tỉnh An Giang

a) Dịch vụ mạng riêng ảo

- Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm quản lý mạng truy nhập cấp II: tổng hợp nhu cầu, cung cấp thông tin kỹ thuật cho Cục Bưu điện Trung ương (BĐTW) theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, phối hợp với Cục BĐTW triển khai, bảo đảm kết nối dịch vụ mạng riêng ảo.

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

b) Dịch vụ hội nghị truyền hình

- Dịch vụ hội nghị truyền hình của Mạng TSLCD tỉnh An Giang là dịch vụ sử dụng kênh truyền Mạng TSLCD và hệ thống điều khiển đa điểm của địa phương để thiết lập kết nối các phiên họp trực tuyến giữa các điểm cầu.

- Cục BĐTW bảo đảm kết nối các điểm cầu thuộc đối tượng sử dụng của mạng truy nhập cấp I; bảo đảm kết nối liên thông giữa hệ thống hội nghị truyền hình của Cục BĐTW với các hệ thống hội nghị truyền hình của địa phương.

- Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm kết nối các điểm cầu thuộc đối tượng sử dụng của mạng truy nhập cấp II.

c) Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các ứng dụng trên Mạng TSLCD tỉnh An Giang

a) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

b) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

c) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

d) Hệ thống Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

đ) Nền tảng tích hợp, chia sẽ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung đặt tại Trung tâm THDL của tỉnh.

e) Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến cấp huyện và đến cấp xã.

g) Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, CSDL chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

h) Các ứng dụng khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước theo quy định.

Điều 5. Chất lượng Mạng TSLCD tỉnh An Giang

Thực hiện theo quy định Điều 9 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg.

Chương II
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN

Điều 6. Nguyên tắc quản lý, vận hành

1. Quản lý Mạng TSLCD

a) Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp quản lý mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với bộ phận phụ trách công nghệ thông tin của Văn phòng Tỉnh ủy trong quản lý Mạng TSLCD phục vụ mạng diện rộng của Đảng trên địa bàn.

2. Quản lý thiết bị

a) Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp I đáp ứng yêu cầu kỹ thuật phụ lục kèm theo Quy chế này, đảm bảo an toàn, an ninh; cử đầu mối hỗ trợ Cục BĐTW và doanh nghiệp viễn thông (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho Mạng TSLCD truy nhập cấp I) trong công tác xử lý sự cố và quản lý, kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị hàng năm. Thông báo cho Cục BĐTW và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

b) Đối với thiết bị của mạng truy nhập cấp II, đơn vị sử dụng đảm bảo việc bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II đáp ứng yêu cầu kỹ thuật phụ lục I kèm theo Quy chế này, đảm bảo an toàn, an ninh. Đơn vị sử dụng thông báo cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông - Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

3. Vận hành Mạng TSLCD

Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD được giao vận hành mạng truy nhập cấp II tỉnh An Giang.

4. Xử lý sự cố mạng TSLCD

a) Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông - Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối xử lý các vấn đề, sự cố mạng liên quan đến mạng truy nhập cấp II, tiếp nhận cảnh báo từ Cục BĐTW, đơn vị sử dụng dịch vụ hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

b) Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD thực hiện xử lý sự cố theo quy định, báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sử dụng dịch vụ.

Điều 7. Kết nối

1. Mô hình kết nối

Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh mô hình kết nối phù hợp với hiện trạng, định hướng phát triển của tỉnh và thực hiện kết nối theo quy định Điều 7 của Thông tư 19/2023/TT-BTTTT, đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Triển khai tối thiểu 02 (hai) kênh truyền cáp quang theo 02 (hai) hướng vật lý khác nhau kết nối từ thiết bị định tuyến của Trung tâm THDL tỉnh đến cổng kết nối của Mạng TSLCD.

b) Kênh truyền phải bảo đảm mức chiếm dụng băng thông của các hướng kết nối thấp hơn 90%, căn cứ kết quả giám sát lưu lượng tất cả các hướng kết nối từ 00 giờ 00 đến 24 giờ 00 hàng ngày trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng liên tiếp, thời gian mỗi mẫu giám sát là 05 (năm) phút.

2. Địa chỉ IP

a) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp nhu cầu và cung cấp thông tin cho Cục BĐTW theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT;

b) Việc sử dụng địa chỉ IP phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và không trùng lặp giữa các dịch vụ, cơ quan, tổ chức;

c) Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát hoạt động sử dụng địa chỉ IP của mạng truy nhập cấp II và gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục BĐTW).

3. Định tuyến

Các yêu cầu về tạo mới hoặc thay đổi chính sách định tuyến chỉ được triển khai sau khi thống nhất phương án giữa địa phương, các đơn vị liên quan và Cục BĐTW.

Điều 8. Yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin kết nối Mạng TSLCD

1. Theo quy định Điều 9 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

2. Việc đảm bảo an toàn hệ thống thông tin kết nối Mạng TSLCD tại Quy chế này đảm bảo thực hiện đồng bộ với Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 9. Giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập

1. Sở Thông tin và Truyền thông được giao quản lý tài khoản giám sát phải lưu giữ, bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập, định kỳ thay đổi và sử dụng mật khẩu đảm bảo an toàn thông tin.

2. Thông tin giám sát an toàn thông tin mạng của thiết bị, hệ thống thông tin kết nối Mạng TSLCD được chia sẻ về Trung tâm điều hành mạng theo hướng dẫn của Cục BĐTW.

3. Máy chủ, máy trạm và thiết bị công nghệ thông tin khác kết nối vào Mạng TSLCD phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được giám sát an toàn thông tin mạng tập trung.

4. Yêu cầu tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối quy định tại Phụ lục của Quy chế này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng TSLCD tại địa phương.

2. Tham mưu kế hoạch đưa các dịch vụ, ứng dụng dùng chung của tỉnh sử dụng Mạng TSLCD.

3. Tham mưu đề xuất dung lượng băng thông đường truyền của mạng truy nhập cấp II phù hợp với nhu cầu sử dụng của tỉnh.

4. Phối hợp với Cục BĐTW triển khai các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung.

5. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD trong công tác triển khai kết nối và xử lý sự cố đối với mạng truy nhập cấp II.

6. Cung cấp cho Cục BĐTW các đầu mối quản lý, vận hành, sử dụng và xử lý sự cố mạng truy nhập cấp II tại địa phương.

Điều 11. Trách nhiệm doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD tại tỉnh An Giang

1. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định Quy chế này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Bảo đảm hoạt động hạ tầng truyền dẫn phục vụ mạng truy nhập cấp II.

b) Phối hợp với Cục BĐTW triển khai kết nối Mạng TSLCD bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin mạng quy định tại Thông tư và pháp luật liên quan hiện hành.

d) Tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp hạ tầng kết nối cho mạng truy nhập cấp II có trách nhiệm xác định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định Điều 12 của Thông tư 19/2023/TT-BTTTT.

Điều 12. Trách nhiệm đơn vị sử dụng dịch vụ

1. Kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ trước khi kết nối vào Mạng TSLCD và kiểm tra định kỳ theo quy định Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Giám sát an toàn thông tin, kiểm soát truy nhập trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ khi kết nối vào Mạng TSLCD, chia sẻ thông tin giám sát theo quy định Quy chế này và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bảo đảm hạ tầng lắp đặt thiết bị hoạt động ổn định, liên tục, bảo vệ thiết bị và hạ tầng Mạng TSLCD đặt tại cơ quan theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng TSLCD theo đúng quy định của pháp luật liên quan.

Điều 13. Trách nhiệm của người sử dụng mạng truy nhập cấp II

1. Khi kết nối vào mạng truy nhập cấp II phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng truy nhập cấp II. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào mạng truy nhập cấp II.

3. Không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng truy nhập cấp II; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn thông tin trên mạng truy nhập cấp II.

4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng truy nhập cấp II cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Khi phát hiện sự cố xảy ra phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách để duy trì hoạt động mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng truy nhập cấp II có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng Mạng TSLCD phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục

YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU VỀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI MẠNG TRUY NHẬP CẤP II

(Kèm theo Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

1. Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II:

a) Số lượng cổng kết nối: 02 cổng LAN và 01 cổng WAN;

b) Hỗ trợ giao thức quản lý, giám sát mạng SNMP, Logs hoặc Syslog và tính năng tương đương;

c) Hỗ trợ giao thức IPv6;

d) Hỗ trợ phương thức quản trị cấu hình có xác thực và mã hoá.

2. Yêu cầu lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập và hạ tầng kỹ thuật phụ trợ

a) Các thiết bị đầu cuối mạng truy nhập phải được bố trí lắp đặt ở vị trí có điều kiện môi trường đảm bảo về nhiệt độ, nguồn điện, an toàn.

- Nhiệt độ:

+ Đối với thiết bị đặt tại phòng máy: nhiệt độ yêu cầu từ 20^0C đến 25^0C; độ ẩm từ 40% đến 55%;

+ Đối với thiết bị đặt tại phòng làm việc: nhiệt độ yêu cầu tử 20^0C đến 32^0C; độ ẩm từ 40% đến 80% .

- Nguồn điện: một nguồn điện đảm bảo, có thiết bị lưu điện (UPS).

b) Đối tượng sử dụng có trách nhiệm bảo đảm duy trì hoạt động của thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập, kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.